

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK ĐÔNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số 1004/CV-BVĐKĐA

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2024

Vv: Yêu cầu báo giá vật tư y tế,
hóa chất xét nghiệm

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đông Anh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự toán mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm đợt 3 năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Đông Anh
Địa chỉ: Tổ 1 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Thị Phương Thúy, số điện thoại: 0977563522, email: phamphuongthuy145@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Phòng Văn thư, tầng 3 khu hành chính Bệnh viện đa khoa Đông Anh, Tổ 1 Thị trấn Đông Anh, Hà Nội, đồng thời gửi file điện tử (Word, Excel) qua địa chỉ thư điện tử: phamphuongthuy145@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 21 tháng 6 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm: (Phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa Đông Anh, tổ 1 thị trấn Đông Anh, Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 3 ngày từ khi có đơn hàng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VT-TBYT



GIÁM ĐỐC

Chu Đình Năng

Tên công ty:
Địa chỉ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: /CV-BYĐKĐA ngày 2/tháng 6 năm 2024 của bệnh viện đa khoa Đông Anh)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đông Anh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của....[ghi rõ tên của Chi đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm ⁽²⁾	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Qui cách	Đơn vị tính	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)(có VAT)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày]...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].
3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin về báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá chào từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỢT 3

(Kèm yêu cầu báo giá số: 1004/CV-BKĐA ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa Đông Anh)

STT	STT Phần	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Đơn vị tính	Quy cách	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Ghi chú
		Phần 1: Danh mục vật tư, hóa chất sinh hóa sử dụng tương thích máy Human 600					
1	1	Hoá chất định lượng Protein total	Hộp	Hộp ≥ 4x100ml + 3ml	Hoá chất định lượng Protein total. Thành phần bao gồm: Potassium iodide, Potassium sodium tartrate, Sodium hydroxide, Copper sulphate... Khoảng đo: 0.25 – 12 g/dl hoặc tương đương. Hộp ≥ 4x100ml + 3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	10	
2	2	Hoá chất định lượng Albumin	Hộp	Hộp ≥ 4x100ml + 3ml	Hoá chất định lượng Albumin. Thành phần bao gồm: Succinate pH, Bromcresolgreen... Khoảng đo: 0.15 – 8 g/dl hoặc tương đương. Hộp ≥ 4x100ml + 3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	10	
3	3	Hóa chất định lượng Uric Acid	Hộp	Hộp ≥ 4x100ml + 1x80ml + 3ml	Hóa chất định lượng Uric Acid.. Thành phần bao gồm: Phosphate-buffer pH, Uricase... Khoảng đo: 0.25-25 mg/dl hoặc tương đương. Hộp ≥ 4x100ml + 1 x 80ml + 3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
4	4	Hoá chất định lượng Amylase	Hộp	Hộp ≥ 2x50ml + 1x20ml	Hoá chất định lượng Amylase. Thành phần bao gồm: Sodium chloride, Magnesium chloride, Sodium azide. Khoảng đo: 3-1500 U/l hoặc tương đương. Hộp ≥ 2x50ml + 1x20ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
5	5	Hoá chất định lượng GPT	Hộp	Hộp ≥ 4x100ml + 1x80ml	Hoá chất định lượng GPT. Thành phần bao gồm: TRIS-Buffer Ph 7.5, L-Alanine, α-Ketoglutarate... Khoảng đo: 5-280 U/l hoặc tương đương. Hộp ≥ 4x100ml + 1x80ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	60	
6	6	Hóa chất định lượng GOT(AST)	Hộp	Hộp ≥ 4x100ml + 1x80ml	Hóa chất định lượng GOT(AST). Thành phần bao gồm: L-Aspartate, α-Ketoglutarate... Khoảng đo: 5-280 U/l hoặc tương đương. Hộp ≥ 4x100ml + 1x80ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	60	
7	7	Hóa chất định lượng GGT	Hộp	Hộp ≥ 2x50ml + 1x20ml	Hóa chất định lượng GGT. Thành phần bao gồm: Glycylglycin, Sodium azide... Khoảng đo: 4 - 290 U/l hoặc tương đương. Hộp ≥ 2x50ml + 1x20ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
8	8	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp	Hộp ≥ 4x40ml + 4x10ml	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần. Thành phần bao gồm: Citrate Buffer at pH of 2.9, Phosphate Buffer at pH of 7.0, Sodiummeta vanadate.... Khoảng đo: 0.1-40 mg/dl hoặc tương đương. Hộp ≥ 4x40ml + 4x10ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	

9	9	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp	Hộp $\geq$ 4x40ml + 4x10ml	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp.. Thành phần bao gồm: Tartrate Bufer at pH of 2.9, Sodiummeta vanadate... Khoảng đo: 0.1-20 mg/dl hoặc tương đương . Hộp $\geq$ 4x40ml + 4x10ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
10	10	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hộp	Hộp $\geq$ 4x100ml + 1x3ml	Hóa chất định lượng Cholesterol. Thành phần bao gồm: 4-Aminoantipyrine, Phenol, Cholesterol esterase, Cholesterol oxidase... Khoảng đo: 4-750 mg/dl hoặc tương đương. Hộp $\geq$ 4x100ml + 1x3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	48	
11	11	Hóa chất định lượng Triglycerides	Hộp	Hộp $\geq$ 4x100ml + 3ml	Hóa chất định lượng Triglycerides. Thành phần bao gồm: 4-Chlorophenol, Magnesium ione, Peroxidase, Glycerol kinase, 4-aminoantipyrine... Khoảng đo: 10-1000 mg/dl hoặc tương đương. Hộp $\geq$ 4x100ml + 3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	48	
12	12	Hóa chất định lượng Urea	Hộp	Hộp $\geq$ 4x100ml + 1x80ml + 3ml	Hóa chất định lượng Urea. .Thành phần bao gồm: α -Ketoglutarate, Urease, Glutamate dehydrogenase... Khoảng đo : 3-400 mg/dl hoặc tương đương. Hộp $\geq$ 4x100ml + 1x80ml + 3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	48	
13	13	Hóa chất định lượng Creatinine	Hộp	Hộp $\geq$ 6x67ml + 6x17ml	Hóa chất định lượng Creatinine. . Thành phần bao gồm: NaOH, Phosphate, Picric acid... Khoảng đo : 0.1-20 mg/dl. Hộp $\geq$ 6x67ml + 6x17ml hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	54	
14	14	Hóa chất định lượng Glucose	Hộp	Hộp $\geq$ 4x100ml + 3ml	Hóa chất định lượng Glucose. Thành phần bao gồm: 4-Aminophenazone, Phenol, Glucose oxidase, Peroxidase.... Khoảng đo: 1.1-400 mg/dl hoặc tương đương. Hộp $\geq$ 4x100ml + 3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	60	
15	15	Hóa chất định lượng Iron	Hộp	Hộp $\geq$ 2x50ml + 1x20ml + 1x2,5g + 3ml	Hóa chất định lượng Iron. Thành phần bao gồm: Guanidine hydrochloride pH 4.5, Ferene-S-disodium salt, Ascorbic acid-Na-salt. Khoảng đo: 3,5-179 μ mol/l hoặc tương đương. Hộp $\geq$ 2x50ml + 1x20ml + 1x2,5g + 3ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	6	
16	16	Hóa chất định lượng CK-NAC	Hộp	Hộp $\geq$ 2x50ml + 1x20ml	Hóa chất định lượng CK-NAC. . Thành phần bao gồm: Imidazole, Magnesium acetate, Glucose, N-acetylcysteine, Glucose-6-phosphate dehydrogenase, Phosphocreatine... Khoảng đo: 8-1040 U/l hoặc tương đương. Hộp $\geq$ 2x50ml + 1x20ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	12	
17	17	Hóa chất định lượng CK-MB	Hộp	Hộp $\geq$ 2x50ml + 1x20ml	Hóa chất định lượng CK-MB. Thành phần bao gồm : Imidazole, Magnesium acetate, Glucose, N – acetylcysteine, Phosphocreatine... Khoảng đo: 3.8-1500 U/l hoặc tương đương. Hộp $\geq$ 2x50ml + 1x20ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	12	

18	18	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức bình thường	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 2 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức bình thường. Lọ $\geq 1 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	24	
19	19	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức cao	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 2 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức cao. Lọ $\geq 1 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	24	
20	20	Chất chuẩn CKMB	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 2 \text{ml}$	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK- MB, dạng đông khô. Lọ $\geq 1 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	12	
21	21	Hóa chất định lượng CRP	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 25 \text{ml} + 1 \times 10 \text{ml}$	Hóa chất định lượng CRP. Thành phần bao gồm: Phosphate buffer, Sodium azide, Polyclonal goat anti-human CRP....Khoảng đo: 0.2 – 22 mg/dl hoặc tương đương. Hộp $\geq 2 \times 25 \text{ml} + 1 \times 10 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	70	
22	22	Bộ hiệu chuẩn CRP	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 1 \text{ml}$	Bộ hiệu chuẩn CRP. Hộp $\geq 5 \times 1 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
23	23	Huyết thanh kiểm tra CRP mức thấp	Lọ	1ml/ lọ	Huyết thanh kiểm tra CRP mức thấp. Lọ $\geq 1 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	36	
24	24	Huyết thanh kiểm tra CRP mức cao	Lọ	Lọ $\geq 1 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra CRP mức cao. Lọ $\geq 1 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	36	
25	25	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 45 \text{ml} + 1 \times 30 \text{ml}$	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Good's bufer, 4-Aminoantipyrine, Peroxidase, Ascorbatoxidase, Cholesterolsterase, Cholesteroloxidase.... Hộp $\geq 2 \times 45 \text{ml} + 1 \times 30 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	48	
26	26	Chất hiệu chuẩn	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 3 \text{ml}$	Chất hiệu chuẩn, dạng đông khô. Hiệu chuẩn các thông số: Albumin, ALT / GPT, α -Amylase total, α -Amylase pancreatic, AST / GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, CK-NAC, Creatinine, Glucose, GGT, Protein total, Triglycerides, Uric Acid, Ure.... Lọ $\geq 1 \times 3 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	20	
27	27	Hóa chất định lượng LDL-Cholesterol	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 45 \text{ml} + 1 \times 30 \text{ml}$	Hóa chất định lượng LDL- Cholesterol. Thành phần bao gồm: Cholesterolsterase, Cholesteroloxidase, 4-Aminoantipyrine, Peroxidase, Sodium azide.... Hộp $\geq 2 \times 45 \text{ml} + 1 \times 30 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	48	
28	28	Huyết thanh kiểm tra mức bình thường	LỌ	Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra mức bình thường, dạng đông khô. Kiểm tra các thông số: Albumin, ALT/GPT, α -Amylase total, α -Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, CK-NAC, Creatinine, GGT, Glucose, Iron, Total Protein, Triglycerides, Urea, Uric Acid....Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	30	

29	29	Huyết thanh kiểm tra mức cao	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 5\text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra mức cao, dạng đông khô. Kiểm tra các thông số: Albumin, ALT/GPT, α -Amylase Total, α -Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDLCholesterol, CK-NAC, Creatinine, GGT, Glucose, Iron, Total Protein, Triglycerides, Urea, Uric Acid....Lọ $\geq 1 \times 5\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	30	
30	30	Dây bơm máy sinh hóa	Cái	Túi ≥ 1 cái	Dây bơm sử dụng tương thích cho máy sinh hóa. Túi ≥ 1 cái.	8	
31	31	Cuvette	Bộ	Bộ ≥ 16 chiếc	Cuvette sử dụng tương thích cho máy sinh hóa. Bộ ≥ 16 chiếc.	16	
32	32	Bóng đèn Halogen	Cái	Hộp ≥ 1 cái.	Bóng đèn Halogen sử dụng tương thích cho máy sinh hóa. Hộp ≥ 1 cái.	4	
33	33	Điện cực Na	Cái	1 Cái	Điện cực Na sử dụng tương thích cho máy sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	2	
34	34	Điện cực K	Cái	1 Cái	Điện cực K sử dụng tương thích cho máy sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	2	
35	35	Điện cực Cl	Cái	1 Cái	Điện cực Cl sử dụng tương thích cho máy sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	2	
36	36	Điện cực tham chiếu	Cái	1 Cái	Điện cực tham chiếu sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa kèm điện giải. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
37	37	Điện cực trống	Cái	1 Cái	Điện cực trống sử dụng tương thích cho máy sinh hóa kèm điện giải. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1	
38	38	Dung dịch rửa kim	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 250\text{ml}$	Thành phần bao gồm: Sodium Hypochlorite, Surfactants, Stabilizers, Preservatives.... Hộp $\geq 2 \times 250\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
39	39	Dung dịch rửa	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 250\text{ml}$	Thành phần bao gồm: Surfactants, Stabilizers, Preservatives. Hộp $\geq 2 \times 250\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	48	
40	40	Dung dịch rửa cuvet	Hộp	2x100mL	Mixed amphoteric detergents Sodium hydroxide $< 2.0\%$ Quy cách đóng gói: Hộp $\geq 2 \times 100\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5	
41	41	Bộ hiệu chuẩn quang học cho máy sinh hóa	Hộp	Hộp $\geq 4 \times 50\text{ml}$	Thành phần bao gồm: Sodium nitrite stray light solution.. Hộp $\geq 4 \times 50\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	

42	42	Hóa chất định lượng Alcohol	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 28 \text{ml} + 2 \times 7 \text{ml}$	Hóa chất định lượng Alcohol. Thành phần bao gồm: Buffer, Na-azide...Khoảng đo $\geq 250 \text{ mg/dl}$ hoặc tương đương. Hộp $\geq 2 \times 28 \text{ml} + 2 \times 7 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5	
43	43	Chất hiệu chuẩn Alcohol	Hộp	Hộp $\geq 3 \times 2 \text{ml}$	Chất hiệu chuẩn Alcohol. Quy cách: Control Level 1 $\geq 1 \times 2 \text{ml}$ Control Level 2 $\geq 1 \times 2 \text{ml}$ Calibrator $\geq 1 \times 2 \text{ml}$ hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
44	44	Hóa chất định lượng MICROALBUMIN	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 25 \text{ ml} + 1 \times 10 \text{ ml}$	Hóa chất định lượng MICROALBUMIN. Thành phần bao gồm: Saline, Sodium azide, Phosphate buffered saline...Khoảng đo: 0 – 400 mg/l hoặc tương đương. Hộp $\geq 5 \times 25 \text{ ml} + 1 \times 10 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
45	45	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức thấp	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 1 \text{ ml}$	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức thấp. Lọ $\geq 1 \times 1 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
46	46	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức cao	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 1 \text{ ml}$	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức cao. Lọ $\geq 1 \times 1 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
47	47	Chất hiệu chuẩn Microalbumin	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 1 \text{ ml}$	Chất hiệu chuẩn Microalbumin. Hộp $\geq 5 \times 1 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6	
48	48	Hóa chất định lượng Protein niệu	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 50 \text{ml} + 3 \text{ml}$	Hóa chất định lượng Protein niệu. Thành phần bao gồm: Coomassie G 250, o-Phosphoric acid, Ethanol.... Hộp $\geq 2 \times 50 \text{ml} + 3 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
49	49	Chất kiểm tra cho xét nghiệm định lượng Protein	Hộp	Hộp $\geq 2 \times 4 \text{ ml}$	Chất kiểm tra cho xét nghiệm định lượng Protein. Hộp $\geq 2 \times 4 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6	
50	50	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Protein	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 4 \text{ ml}$	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Protein. Lọ $\geq 1 \times 4 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
51	51	Hóa chất chuẩn HDL/LDL	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 1 \text{ml}$	Hóa chất chuẩn HDL/LDL. Lọ $\geq 1 \times 1 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	

52	52	Hóa chất chuẩn đoán lượng Na/K/Cl/Li	Hộp	Hộp ≥ 710ml	Hóa chất chuẩn đoán lượng Na/K/Cl/Li. Thành phần: Calibrant A: 520 ml {Na ⁺ , 140mmol/L *K ⁺ , 4,0mmol/L *Cl ⁻ , 125,0 mmol/L *Li ⁺ , 1,0 mmol/L}; Calibrant B: 190 ml {Na ⁺ , 70mmol/L *K ⁺ , 8,0mmol/L *Cl ⁻ , 41,0 mmol/L *Li ⁺ , 0,4 mmol/L * chất đệm *chất bảo quản* chất làm ẩm Hộp ≥ 710ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	48	
53	53	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải trên máy sinh hóa	Hộp	Hộp ≥ 3x10ml	Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức cho các xét nghiệm phân tích điện giải: bao gồm: Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Li ⁺ , Ca ⁺⁺ , pH. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: dung dịch muối, chất đệm, albumin bò..Hộp ≥ 3x10ml.. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
54	54	Dây bơm điện giải dùng trên máy sinh hóa	Bộ	Bộ ≥ 1 cái	Dây bơm điện giải sử dụng tương thích với máy phân tích sinh hóa kèm điện giải.	2	
55	55	Hóa chất rửa điện giải trên máy sinh hóa	Hộp	Hộp ≥ 90ml	Thành phần: HCl, NH ₄ F ₂ , pepsin...hoặc các chất tương đương. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa kèm điện giải. Hộp ≥ 90ml + 6 lọ pepsin. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	12	
56	56	Dung dịch pha loãng bệnh phẩm nước tiểu trước khi phân tích	Lọ	125ml	Thành phần: Buffer and Preservative Lọ ≥ 1x125ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	10	
Phần 2: Danh mục vật tư, hóa chất sinh hóa dùng tương thích máy Monarch 400							
57	1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hộp	Hộp ≥ 4x60ml.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Copper sulfate, NaOH, Potassium Iodide, Sodium Potassium tartrate. Hộp ≥ 4x60ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	
58	2	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hộp	Hộp ≥ 4x60ml.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Succinate buffer, Bromocresol green... Hộp ≥ 4x60ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	
59	3	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid uric	Hộp	Hộp ≥ 5x60ml + 5x15ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid uric. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Peroxidase, 2,4,6-Tribromo-3-hydrobenzenzoic, Potassium ferrocyanide, phosphate buffer, aminoantipyrine, Uricase.... Hộp ≥ 5x60ml + 5x15ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	

60	4	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	Hộp	Hộp $\geq$ 6x30ml + 2x18ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Hepes Buffer, MgCl ₂ , Calcium chloride, Sodium chloride.. Hộp $\geq$ 6x30ml + 2x18ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	
61	5	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT	Hộp	Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Tris buffer, L-alanine, LDH, NADH, Oxoglutarate. Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	36	
62	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST	Hộp	Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Tris buffer, L-aspartate, LDH, MDH. Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	36	
63	7	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT	Hộp	Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Glycylglycine, Tris buffer, Sodium Chloride. Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	
64	8	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp	Hộp $\geq$ 4x40ml + 4x10ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Citrate buffer, Surfactant, Vanadate. Hộp $\geq$ 4x40ml + 4x10ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	
65	9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp	Hộp $\geq$ 4x40ml + 4x10ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Citrate buffer, Surfactant, Vanadate . Hộp $\geq$ 4x40ml + 4x10ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	
66	10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần	Hộp	Hộp $\geq$ 8x60ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Pipes buffer, Cholesterol oxidase, Cholesterol Esterase... Hộp $\geq$ 8x60ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
67	11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	Hộp	Hộp $\geq$ 8x60ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Lipoprotein Lipase, Magnesium sulfate... Hộp $\geq$ 8x60ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
68	12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hộp	Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Tris Buffer, 2-Oxoglutarate, Urease... Hộp $\geq$ 5x60ml + 5x15ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	18	

69	13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hộp	Hộp ≥ 1x150ml + 1x150ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine..Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Sodium Hydroxide, Picric Acid. Hộp ≥ 1x150ml + 1x150ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	32	
70	14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hộp	Hộp ≥ 8x60ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Glucose Oxidase, Peroxidase, aminoantipyrine... Hộp ≥ 8x60ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	36	
71	15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Sắt	Hộp	Hộp ≥ 4x30ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Sắt. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Hộp ≥ 4x30ml . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	10	
72	16	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC	Hộp	Hộp ≥ 2x60ml + 2x15ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: D-Glucose, Adenosine diphosphate, Magnesium acetate...Hộp ≥ 2x60ml + 2x15ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
73	17	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB	Hộp	Hộp ≥ 2 x60ml + 2x15ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Imidazole buffer, D-Glucose, Magnesium acetate.... Hộp ≥ 2 x60ml + 2x15ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
74	18	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	Hộp	Hộp ≥ 3x20ml + 1x20ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Amino acetic acid buffer... Hộp ≥ 3x20ml + 1x20ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
75	19	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Hộp	Hộp ≥ 5x1ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP. Hộp ≥ 5x1ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
76	20	Hóa chất kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CRP	Hộp	Hộp ≥ 2x1ml	Hóa chất kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CRP. Hộp ≥ 2x1ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
77	21	Hóa chất kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CRP	Hộp	Hộp ≥ 2x1ml	Hóa chất kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CRP. Hộp ≥ 2x1ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
78	22	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Hộp	Hộp ≥ 4x60ml + 4x20ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: 4-aminoantipyrine, Cholesterol esterase... Hộp ≥ 4x60ml + 4x20ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	18	

79	23	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	Hộp	Hộp $\geq 4 \times 60 \text{ml} + 4 \times 20 \text{ml}$	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: 4-Aminoantipyrine, Cholesterol oxidase, Peroxidase... Hộp $\geq 4 \times 60 \text{ml} + 4 \times 20 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	18	
80	24	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	Theo quy cách của nhà sản xuất	Bóng đèn 12V-20W sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4	
81	25	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Can	Can ≥ 2 Lít	Dung dịch rửa, sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm sinh hóa. Can ≥ 2 Lít. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
82	26	Cuvette	Hộp	Hộp ≥ 6 khoang x 20 giếng	Cuvette sử dụng tương thích cho máy sinh hoá. Chất liệu làm bằng nhựa quang học hoặc tương đương. Hộp ≥ 6 khoang x 20 giếng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5	
83	27	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức bình thường	Hộp	Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức bình thường. Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	24	
84	28	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức cao	Hộp	Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức cao. Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	24	
85	29	Chất chuẩn CKMB	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 2 \text{ml}$	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK- MB Hộp $\geq 5 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
86	30	Hóa chất chuẩn HDL/LDL	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 1 \text{ml}$	Hóa chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HDL/LDL cholesterol. Hộp $\geq 5 \times 1 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
87	31	Huyết thanh kiểm tra HDL/LDL mức bình thường	Hộp	Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra HDL/LDL cholesterol mức bình thường. Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
88	32	Huyết thanh kiểm tra HDL/LDL mức cao	Hộp	Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra HDL/LDL cholesterol mức bình cao. Hộp $\geq 1 \times 2 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	

89	33	Huyết thanh kiểm tra mức 2	lọ	Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy, là huyết thanh người, dạng đông khô. Kiểm tra các thông số tối thiểu: Cholesterol, γ GT, CK, Albumin, Triglycerides, Iron, ALT (GPT), Total Protein, Amylase, Amylase (Pancreatic), AST (GOT), Bilirubin (Direct), Bilirubin (Total), Uric Acid, Creatinine, Glucose...Độ ổn định lên đến 7 ngày ở 2°C đến 8°C. Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	60	
90	34	Huyết thanh kiểm tra mức 3	lọ	Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$	Huyết thanh kiểm tra mức 3 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy, dạng bột đông khô. Kiểm tra tối thiểu các thông số: Cholesterol, γ GT, CK, Albumin, Triglycerides, Iron, ALT (GPT), Total Protein, Amylase, Amylase (Pancreatic), AST (GOT), Bilirubin (Direct), Bilirubin (Total), Urea, Uric Acid, Creatinine, Glucose...Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	60	
91	35	Huyết thanh hiệu chuẩn mức 3	Lọ	Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$	Huyết thanh hiệu chuẩn mức 3. Hiệu chuẩn các thông số: CK, Cholesterol, Triglycerides, Total Protein, Albumin, ALT (GPT), Amylase (Pancreatic), Amylase (Total), AST, Bilirubin (Direct), Bilirubin (Total), γ GT, Glucose, Iron, Urea, Uric Acid... Lọ $\geq 1 \times 5 \text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	20	
		Tổng: 91 khoản					

Chú ý: Được chào giá 1 hoặc nhiều mục hàng trong danh mục mời chào giá theo khả năng cung cấp của công ty

HÀ
NỘI



PHỤ LỤC II: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm yêu cầu bảo giá số: 1004/CV-BVĐKĐA ngày 21 tháng 6 năm 2024 của bệnh viện đa khoa Đông Anh)

STT	Mã vật tư	Vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Tính năng thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
I		Bông, dung dịch sát khuẩn rửa vết thương				
1	N01.01.010	Bông thấm nước	Sản xuất từ bông. Không có hóa chất tẩy trắng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	1kg/túi	kg	150
2	N01.02.010	Dung dịch rửa tay	Dung dịch xà phòng rửa tay thường qui Thành phần: SLES, Sodium lauroamphoacetate, Chất chỉnh pH: Acid Citric... Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Lọ 1000ml	Lọ	500
3		Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần: Ethanol 56% (w/w), Isopropanol 18% (w/w), Chlorhexidine Digluconate 0,5 % (w/w). Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l). Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế. Có vòi bơm.	Chai 500ml	Chai	3.000
4	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao ORTHO-PHTHALADEHYDE (dung cụ nội soi)	Thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Tric khuẩn lao (Mycobacterium bovis) - Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. (Kèm test thử để kiểm tra nồng độ) - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS	Can 3,78 lít	Can	100
5		Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w), chất dưỡng ẩm, Chất hoạt động bề mặt, hương liệu ... Đạt tiêu chuẩn EN 12791	can 5 lít	can	12
6	N01.02.030	Dung dịch tan gỉ 1	Thành phần: Glycolic Acid 8%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ (2 chai 750ml)	Bộ	6
7	N01.02.030	Dung dịch tan gỉ 2	Thành phần: Triethanolamine 8%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ (2 chai 750ml)	Bộ	6
8		Viên khử khuẩn	Viên nén hòa tan khử khuẩn ≥ 2,7gr, chứa Sodium Dichloroisocyanurate (tương đương 56% w/w chlorine hoạt tính)	Theo quy cách nhà sản xuất	Viên	10.000
9		Cloramin B	Thành phần: C6H5SO2NCINa tối thiểu 25% clo hoạt tính.	Theo quy cách nhà sản xuất	Kg	100
10	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn và làm sạch bề mặt	Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride 0,35 % (w/w), Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride 0,45 % (w/w)...	Chai 750ml	Chai	50
11		Xịt bóng bôi trơn dụng cụ	- Xịt bảo vệ, làm sáng bóng dụng cụ có bề mặt kim loại - Thành phần: Pparaffinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất điện hoạt không ion, khí propan / butan hóa lỏng	chai 400ml	Chai	16
II		Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
13	N02.01.010	Bột bó bé	Bột liền gạc, gạc: 100% cotton. Kích thước ≥ 10cmx4,6m. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cuộn	1.000
14	N02.01.010	Bột bó to	Bột liền gạc, gạc: 100% cotton. Kích thước ≥ 15cmx4,6m. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cuộn	720
15	N02.02.020	Băng dính lụa	- Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, keo oxide kẽm không dùng dung môi, lực dính khoảng 1,8-5,5 N/cm. - Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. - Có kiểm tra vi sinh. - Kích thước ≥ 5cmx5m. - Tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cuộn	3.000

16	N02.04.0 40	Miếng cảm máu mũi	Làm bằng bột biển PVA (Polyvinylal Alcohol) có thể dẫn nỡ, mềm mại. Kích thước lỗ siêu nhỏ giảm thiểu xâm lấn mô. có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng. Kích thước $\geq 8 \times 1,5 \times 2$ cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
17	N02.02.0 10	Dán mi	Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic, Kích cỡ $\geq 10 \times 12$ cm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
18	N02.03.0 20	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5 x 6 lớp vô trùng	Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. • Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Chứng nhận đăng ký FDA	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	2.000
19	N02.03.0 20	Gạc phẫu thuật 30x40x6 lớp vô trùng cân quang	100% cotton, 30x40cmx6 lớp, vô trùng cân quang. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10.000
20	N02.03.0 20	Gạc cầu sản khoa	Sản xuất từ gạc và bông hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao. Hình cầu, Bông hút được bọc kín bởi một lớp gạc y tế tạo thành cầu bông, đường kính 45mm được khóa giữ bằng một dây Kích thước: Fi 45, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	2.500
III	III	Bơm, kim tiêm, dây truyền, và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh				
21	N03.01.0 20	Bơm tiêm nhựa 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Giaoăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03 ml. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10.000
22	N03.01.0 20	Bơm tiêm nhựa 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23G, 25G. -Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100.000
23	N03.01.0 20	Bơm tiêm nhựa 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23G, 25G. -Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20.000
24	N03.01.0 40	Bơm tiêm nhựa 50ml	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim - Tiệt trùng . Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	1.000

25	N03.01.0 10	Bơm sử dụng bơm thức ăn cho người bệnh (bơm 50 ml đầu to)	Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng không cong vênh, không có ba vĩa. Độc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	800
26	N03.05.0 20	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài ≥ 140 cm. Chất liệu PVC. Vô trùng, không DEHP. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	1.000
27	N03.05.0 30	Dây truyền máu	Dây dài ≥ 180 cm. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL. Chất liệu dây: PVC y tế, cỡ kim 18G. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	500
28	N03.05.0 60	Khóa 3 chạc không dây nối	Thân khóa làm từ: Polycarbonate; Tay xoay: HDPE Khóa xoay Luer Lock. Xoay 360°. Chịu áp suất tối đa ≥ 4.5 bar (65 psi) Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	500
29	N03.05.0 60	Khóa 3 chạc ngã có dây nối	Khóa 3 ngã có dây nối. Dây nối dài ≥ 10 cm, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	1.500
30	N03.03.0 70	Kim gây tê đám rối thần kinh	Kim 22Gx2": 0,7mx50mm, cách điện, thân kim có chia vạch cách nhau 1cm giúp ước lượng chiều dài thân kim đang nằm trong cơ thể bệnh nhân. Có dây nối bơm thuốc Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex HNS12. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
31	N03.03.0 70	Kim gây tê tủy sống	- Đầu kim Quinke: đầu sắc bén giúp giảm lực đâm, 3 mặt vát dài khoảng 40mm-88mm Chuôi kim trong suốt, có thiết kế lăng kính pha lê phân quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Tiệt trùng. Các cỡ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	2.000
32	N03.02.0 70	Kim luồn tĩnh mạch	- Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa, 2 đường cân quang - Kim: chất liệu thép không gỉ, sắc bén, 3 mặt vát, phủ 1 lớp silicon - Nắp bảo vệ kim: chất liệu nhựa polypropylene. Catheter FEP kháng xoắn - Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát. Thời gian lưu kim tối đa 72h - Tiệt trùng. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	38.000
IV		Găng tay				
33	N03.06.0 20	Găng tay khám không tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Chiều dài tối thiểu 240mm. Có phủ bột chống dính. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Đôi	200.000
34	N03.06.0 20	Găng tay dài sản khoa	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, được phủ bột chống dính. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Đôi	600
35	N03.06.0 50	Găng tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Bề mặt trơn nhẵn, có độ bền cao. Có phủ bột chống dính. Độ dày ngón tay ≥ 0.14 mm. độ dày lòng bàn tay ≥ 0.12 mm, độ dày cổ tay ≥ 0.10 mm. Lực kéo đứt trước lão hóa ≥ 12.5 Mpa. Sau lão hóa ≥ 9.5 N Vô trùng. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Đôi	30.000
V	V	Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
36		Bình dẫn lưu màng phổi	Dung tích ≥ 1800 ml. Tiệt trùng. Bao gồm: bộ lọc, van chảy ngược, ống kín dưới nước, nắp khoá cố định màu trắng. Có nối dẫn lưu dài ≥ 180 cm. Khử trùng bằng EO.	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	4

37	N04.01.0 10	Canuyl mayor các cỡ	Chất liệu làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Các cỡ . Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
38	N04.01.0 20	Canuyl mở khí quản	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu valve có khóa. Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Vô trùng. Các cỡ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
39	N04.01.0 80	Dây thở oxy 2 nhánh	Chất liệu PVC, ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn. Dài ≥ 2 m. Vô trùng . Đầu thở mềm, 2 ống thẳng đưa vào mũi. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	2.000
40	N04.01.0 30	Ống nội khí quản	Chất liệu PVC, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Vô trùng. Các cỡ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
41	N04.01.0 90	Sonde Foley 2 nhánh	Chất liệu: Cao su trắng silicon. Các số 12-26 Fr, có chiều dài tổng thể ≥ 400 mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van mềm. Các số trẻ em từ 6-10 Fr có chiều dài tổng thể ≥ 280 mm, dung tích bóng chèn: 3ml-5ml, Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	2.000
42	N04.02.0 30	Sonde JJ	Chất liệu Bằng Polyurethane phủ lớp hydrophillic. Bao gồm: Xông (sonde), que đẩy, chỉ rút xông. Thời gian đặt lưu trong cơ thể ≥ 30 ngày. Các cỡ, Chiều dài: ≥ 15 cm. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	40
VI		Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
43	N05.02.0 30	Chỉ không tiêu số 2/0	Chỉ không tiêu nylon số 2/0, dài ≥ 75 cm kim tam giác cong 3/8C, làm bằng thép không gỉ phủ silicone, kim dài khoảng 24mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	500
44	N05.02.0 30	Chỉ không tiêu số 3/0	Chỉ không tiêu nylon số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C dài khoảng 24mm. Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	720
45	N05.02.0 30	Chỉ không tiêu số 4/0	Chỉ không tiêu nylon số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C khoảng 19mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	600
46	N05.02.0 30	Chỉ không tiêu số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp số 6/0 thành phần polyamide 6.0 hoặc tương đương, dài ≥ 75 cm kim tam giác 3/8C dài khoảng 12mm. Kim làm bằng thép hoặc tương đương phủ silicone. Vô trùng Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE.	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	120
47		Chỉ không tiêu số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp số 7/0 dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C dài khoảng 12mm. Thành phần : Polyamide 6.0 hoặc tương đương. Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicone. Vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE.	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	12
48		Chỉ không tiêu số 9/0	Chỉ khâu Nylon sợi đơn 9/0, $\geq$ dài 30 cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài khoảng 6.2 mm, đường kính khoảng 0,15mm, độ cong 3/8. Kim làm bằng thép cứng bó sợi. Vô trùng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	24
49	N05.02.0 30	Chỉ không tiêu số 10/0	Chỉ khâu Nylon sợi đơn 10/0, dài ≥ 30 cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài khoảng 6.2 mm, đường kính khoảng 0,15mm, độ cong 3/8. Kim làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, phủ silicone. Vô trùng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	24

50	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1, dài ≥ 90 cm, Chỉ được cấu tạo bởi glycolide và L-lactic acid hoặc tương đương, kim tròn dài khoảng 40mm 1/2C được làm từ thép không gỉ hoặc tương đương. Vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	2.000
51	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0 dài ≥ 75 cm, Chỉ được cấu tạo bởi glycolide và L-lactic acid, hoặc tương đương. Kim tròn dài khoảng 26mm 1/2C được làm từ thép không gỉ hoặc tương đương Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	240
52		Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 2/0 dài ≥ 75 cm, thành phần Polydioxanone hoặc tương đương, kim tròn khoảng 26mm, 1/2C được làm từ thép không gỉ phủ silicone. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	84
53	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0 dài 75 cm, Chỉ được cấu tạo bởi glycolide và L-lactic acid hoặc tương đương. Kim tròn dài khoảng 26mm 1/2C được làm từ thép không gỉ hoặc tương đương Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	120
54		Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0, dài ≥ 75 cm, thành phần Polydioxanone hoặc tương đương, kim tròn khoảng 26mm, 1/2C được làm từ thép không gỉ được phủ silicone. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	72
55	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 dài ≥ 75 cm, Chỉ được cấu tạo bởi glycolide và L-lactic acid hoặc tương đương. Kim tròn dài khoảng 20mm 1/2C được làm từ thép không gỉ hoặc tương đương. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	72
56		Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 4/0, dài ≥ 75 cm, thành phần Polydioxanone hoặc tương đương, kim tròn khoảng 20mm, 1/2C được làm từ thép không gỉ được phủ silicone. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	72
57	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 5/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 5/0, dài ≥ 75 cm, Chỉ được cấu tạo bởi glycolide và L-lactic acid hoặc tương đương. Kim tròn dài khoảng 16mm 1/2C được làm từ thép không gỉ hoặc tương đương Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	24
58	N05.02.0 60	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 6/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 6/0 dài ≥ 75 cm, chỉ được cấu tạo bởi glycolide và L-lactic acid hoặc tương đương. Kim tròn dài khoảng 13mm 1/2C được làm từ thép không gỉ hoặc tương đương. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Theo quy cách nhà sản xuất	Sợi	24
59	N05.03.0 40	Tay dao mổ điện	Dùng cho dao mổ điện. Chiều dài 3m, kiểu giác cắm: giác dẹt 3 chân. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
60	N05.03.0 80	Lưỡi dao mổ các cỡ	Dao sắc. Chất liệu thép các bon hoặc tương đương, tiệt trùng, các số. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	2.000
61		Giấy in ảnh siêu âm	Kích thước 110mm x 20m. Dùng tương thích các dòng máy in hãng Sony. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cuộn	500
VII		Vật tư tiêu hóa				
62		Ghim dùng cho dụng cụ ghim cắt thẳng gấp góc 45mm, 60mm	Đinh ghim chất liệu bằng hợp kim titanium alloy hoặc tương đương Chiều dài đường ghim 45mm, 60mm tương ứng với chiều dài đường cắt 42mm, 57mm Có nhiều loại ghim với chiều dày khác nhau để phù hợp với từng loại mô Chiều cao ghim mô nằm trong khoảng: 2,5- 4,5mm <u>Số lượng ghim nằm trong khoảng 70-90</u> Tương thích với dụng cụ ghim cắt thẳng gấp góc nội soi hiện có tại bệnh viện Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA. ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	35

63		Băng ghim cho dụng cụ ghim cắt thẳng cỡ 55	Băng ghim có đỉnh ghim bằng hợp kim titanium alloy hoặc tương đương Chiều dài đường ghim $\geq 61\text{mm}$; chiều dài đường cắt $\geq 58\text{mm}$ Có 6 hàng ghim Chiều cao chân ghim điều chỉnh được thích hợp với nhiều độ dày mô khác nhau Tương thích với dụng cụ ghim cắt thẳng cỡ 55 hiện có tại bệnh viện Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA, ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	30
64		Băng ghim cho dụng cụ ghim cắt thẳng cỡ 75	Băng ghim có đỉnh ghim bằng hợp kim titanium alloy hoặc tương đương Chiều dài đường ghim $\geq 81\text{mm}$; chiều dài đường cắt $\geq 78\text{mm}$ Có 6 hàng ghim, công nghệ ghim 3D Chiều cao chân ghim điều chỉnh được thích hợp với nhiều độ dày mô khác nhau. Tương thích với dụng cụ ghim cắt thẳng cỡ 75 hiện có tại bệnh viện Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA, ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
VIII		Vật tư tán sỏi				
65		Rọ lấy sỏi	- Các cỡ, dài $\geq 120\text{cm}$ - Loại ≥ 4 cạnh, đầu tròn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	5
66		Dây dẫn đường dùng trong tán sỏi	- Các cỡ, dài $\geq 150\text{cm}$ - Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài $\geq 65\text{mm}$ có phủ lớp hydrophilic, vỏ vàng đen. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	50
67		Dây dẫn đường ái nước dùng trong tán sỏi	- Chất liệu lõi Nitinol; phủ Hydrophilic; - Các cỡ, dài $\geq 150\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	50
68		Dây dẫn đường dùng trong tán sỏi ngược dòng	- Chất liệu Nitinol, phủ PTFE, đầu thẳng - Các cỡ, dài $\geq 150\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	50
IX		Kit chiết tách huyết tương tương thích máy đi kèm				
69	N07.07.010	Bộ kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu từ máu tự thân	Bộ kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu từ máu tự thân. Dụng cụ hoạt hóa cơ học giả mao mạch: bằng nhựa tổng hợp, cấu trúc hình trụ tròn. Tương thích với máy đi kèm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ gồm 1 dụng cụ hoạt hóa và vật tư tương ứng	Cái	500
X		Vật tư chuyên khoa mắt				
70	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu loại 1	- Thủy tinh thể nhân tạo 1 mảnh, cẳng chữ C. Chất liệu: Hydrophilic Acrylic Copolymer - Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Chiều dài tổng: Trong khoảng từ 11.5mm tới 12.5mm - Đường kính quang học: Trong khoảng từ 5.5mm tới 6.0mm. - Chỉ số khúc xạ: >1.4 - Độ sâu tiền phòng >4.9 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dải công suất: -20D đến 40D. - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	70

71	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu loại 2	- Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, 4 cang, chất liệu Hydrophobic acrylic. - Lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV - Chiều dài tổng: Trong khoảng từ 10.50 tới 11.50 mm - Đường kính quang học: Trong khoảng từ 5.75mm tới 6.0 mm - Chỉ số khúc xạ: $> 1,5$ - Độ sâu tiền phòng pACD > 5.7 - Chỉ số Abbe: Khoảng từ 40 tới 50 - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge hoặc kèm dụng cụ đặt nhân. - Công suất: Cung cấp đủ từ 0D đến 30D.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	120
72	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự loại 3	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Thủy tinh thể nhân tạo 4 cang, kéo dài tiêu cự - Chất liệu Hydrophobic Acrylic. - Chiều dài: Trong khoảng từ 10.50mm tới 11.50 mm - Đường kính optic: Trong khoảng từ 5.75mm tới 6.0 mm - TTT lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV. - Chỉ số khúc xạ: $> 1,5$. - Độ sâu tiền phòng pACD > 5.7 - Chỉ số Abbe: khoảng từ 40 đến 50 - TTT được lắp sẵn trong cartridge - Công suất: Cung cấp đủ từ 10D đến 30D.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	80
73	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo 03 tiêu cự	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Thủy tinh thể nhân tạo 03 tiêu cự, 04 cang. - Chất liệu Hydrophobic Acrylic, lọc tia UV, ánh sáng xanh. - Chiều dài tổng: Trong khoảng từ 10.5mm tới 11.5mm - Đường kính quang học: Trong khoảng từ 6.0mm tới 6.5mm. - Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.5 - Độ sâu tiền phòng > 5.7 - Chỉ số Abbe: khoảng từ 40 đến 50 - Dải công suất: Cung cấp đủ từ 10D đến 35D. - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân. - Công suất bổ sung +1.5D tới +1.75D và từ +3D tới +3.5D	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	5
74	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm phi cầu	- Thủy tinh thể nhân tạo 1 mảnh. Chất liệu: Hydrophilic Acrylic - Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Thiết kế phi cầu. - Chiều dài tổng: ≤ 12 mm. Đường kính quang học: ≤ 6mm. - Chỉ số khúc xạ: > 1.42 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dải công suất: Cung cấp đủ từ 10D đến 34D. - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	30
75	N06.03.040	Dịch nhầy phẫu thuật Phaco dạng đặc	- Sodium Hyaluronate $\geq 1,4\%$ - Độ nhớt: trung bình 30.000 mPas - Độ PH: 6.8-7.4 - Trọng lượng phân tử: 1.1-2.0 triệu Daltons. - Độ thẩm thấu: 270-400mOSm/kg Dung tích: ≥ 1ml	Theo quy cách nhà sản xuất	Hộp	300
76	N06.03.040	Dịch nhầy phẫu thuật Phaco dạng loãng	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Thành phần: Hydroxypropyl methylcellulose $\geq 2.0\%$ hoặc tương - Độ nhớt: trung bình 4000-5000 mPas - Độ PH: 6.8-7.5 - Độ thẩm thấu: 270-400 mOSm/kg - Trọng lượng phân tử: ≥ 80.000 Daltons. - Dung tích: ≥ 2ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Theo quy cách nhà sản xuất	Hộp	150
77	N06.03.050	Thuốc nhuộm bao	- Thành phần: Trypan Blue 0,06-0,08% hoặc tương đương. Vô trùng. Dung tích ≥ 1ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Lọ	50

78	N05.03.0 20	Dao mổ 15 độ	- Tay cầm nhựa. - Tạo độ mở rộng góc 15°, mũi dao nhọn. Có nắp an toàn bảo vệ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	305
79	N05.03.0 20	Dao mổ 2.8mm	- Lưỡi dao mài vát 1 cạnh, cạnh vát hướng lên, có nắp an toàn bảo vệ. - Tay cầm nhựa. - Kích thước trong khoảng 2.4mm - 3.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	305
80	N05.03.0 80	Dao mổ mỏng (crescent)	- Lưỡi dao mài vát 1 cạnh, cạnh vát hướng lên, có nắp an toàn bảo vệ. - Tay cầm nhựa. Mũi dao tròn. - Kích thước khoảng 2.0-2.3 mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
XI		Vật tư sử dụng hỗ trợ sinh sản				
81		Catheter bơm tinh trùng	Đường kính ngoài: 1,6 mm; Đường kính trong: 0,7 mm; Thể tích trong: 0,10 ml; Đầu tip bằng polyethylene	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
82	tskt cũ	Pipet nhựa hút mẫu	- Chất liệu: Polystyrene. Được đóng gói tiệt trùng, đầu có nút bông. tiệt trùng. - Dung tích $\geq 1\text{ml}$	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
83		Ống nghiệm tiệt trùng 5ml	- Chất liệu: Polystyrene - Đáy tròn, có nắp 2 nắp - Lực ly tâm: 1400 RCF - Kích thước: + Đường kính ngoài: 12mm. + Chiều dài: $\geq 75\text{mm}$ + Dung tích ống: 5ml.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
XII		Vật tư, hóa chất sử dụng cho xét nghiệm				
84		Cồn 90 độ	Ethanol $\geq 90\%$, trong suốt không màu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chai 500ml	Chai	140
85		Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 μl , làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Phù hợp với các loại pipet thông thường	Túi 500 chiếc	Túi	20
86		Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 μl , làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường.	Túi 1000 cái	Túi	30
87		Ống chống đông Citrat 3,2%	Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước khoảng 12x75mm, nắp bằng nhựa Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8% dùng kháng đông cho 2ml máu Chịu được lực quay ly tâm gia tốc khoảng 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Ống	10.000
88		Ống ly tâm Eppendorf 1.5ml	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Chịu được lực ly tâm $\geq 13.000\text{ RPM}$. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Túi 500 ống	Túi	10
89		Ống Serum	Làm bằng nhựa PP, nắp nhựa LDPE, có các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống khoảng 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu Chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Ống	10.000
90		Ống nghiệm thủy tinh	Dài khoảng 6-7 cm, $\varnothing 1\text{ cm}$	Theo quy cách nhà sản xuất	Ống	10.000

91	N01.01.0 20	Tăm bông vô khuẩn	Chiều liệu ống, nắp, bằng nhựa, Que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài khoảng 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	5.000
92		Que cấy định lượng 1 microlit	Que cấy chất liệu bằng nhựa Dung tích 1ul, chất liệu mềm dẻo dễ dàng lấy mẫu cấy vi sinh . Vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	300
93	N03.07.0 60	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, dung tích khoảng 60ml, Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong.	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	11.000
94		Bộ kit tầm soát tế bào ung thư cổ tử cung và dịch cơ thể	Bộ kit gồm: Lọ dung dịch bảo quản mẫu chứa dung dịch Formaldehyde 10%. Màng lọc tế bào: đường kính màng lọc 20mm. Chổi phết tế bào: đầu chổi: chất liệu Nylon, thân chổi: chất liệu plastic. Lame trải tế bào có kích thước khoảng 25*75mm, độ dày khoảng 0.1mm	Kít	Kít	500
XIII		Vật tư sử dụng trong chẩn đoán và điều trị khác				
95	N08.00.0 30	Băng chỉ thị nhiệt dùng cho máy hấp ướt	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước khoảng 24mm x 55m	Theo quy cách nhà sản xuất	Cuộn	40
96	N08.00.0 30	Chỉ thị hóa học 3 thông số	Test kiểm tra gói: đặt test bên trong gói để xác định tiệt khuẩn có đạt không. Đo lường ba thông số của quá trình tiệt khuẩn thời gian – nhiệt độ – áp suất hơi nước. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	40.000
97	N08.00.0 30	Chỉ thị sinh học cho tiệt trùng hơi nước	• Chỉ thị sinh học hấp ướt: dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối. Dùng với tiệt khuẩn hơi nước hỗ trợ hút chân không Thời gian đọc kết quả ≤24 phút. Tương thích với máy đọc AutoReader 490 Đạt các tiêu chuẩn của FDA, ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Hộp	4
98	N08.00.0 30	Gói thử chức năng của máy hấp ướt	Dùng để kiểm tra độ hiệu quả của khả năng xả khí cho lò hơi nước hút chân không Thành phần: Coated paper, Sulphur, Acrylic Polymer hoặc tương đương. Đạt các tiêu chuẩn của FDA, ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Gói	450
99		Giấy lọc đường kính 190mm	Màng lọc vi khuẩn hộp dụng cụ, đường kính 190mm, loại tròn.	Hộp 10 cái	Hộp	5
100	N08.00.2 50	Điện cực tim dán	Miếng dán: dính chặt ổn định. Nút điện cực truyền tín hiệu tốt. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10.000
101		Gel bôi trơn	Được sử dụng bôi trơn trong kỹ thuật nội soi, thăm khám ... Tuýp ≥82 gam. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	tuýp	800
102		Giấy điện tim	Giấy điện tim kích thước: 110mmx140mmx142 sheets.	Theo quy cách nhà sản xuất	Tập	600
103		Kẹp rốn	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	1.000
104	N08.00.3 10	Mask thở oxy có túi các cỡ	Chất liệu PVC. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	50
105		Mast bóp bóng	Chất liệu PVC. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
106		Mỡ siêu âm	Gel dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa. Can ≥5kg. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Can 5 lit	Can	40
107		Nén Parafin	Chất rắn dạng sáp màu trắng.	Theo quy cách nhà sản xuất	Kg	100
108		Parafin	Ống nhựa 5ml. Vô trùng	Ống 5ml.	Ống	500

109	N08.00.2 40	Đề lưỡi gỗ	Que: làm từ gỗ .Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	70.000
110		Khẩu trang y tế	Khẩu trang 3 lớp không vô trùng: - 2 lớp gác PP - 1 lớp giấy kháng khuẩn Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100.000
111		Bao cao su	Chất liệu cao su	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	6.000
112		Vòng đeo tay bệnh nhân	Chất liệu PVC. Các màu: Xanh, hồng, trắng, vàng, đỏ.... Có chỗ ghi thông tin bệnh nhân. Dùng cho Trẻ em, người lớn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	36.200
113		Vòi soda	Vòi soda hấp thụ CO2 dùng trong y tế, dùng cho máy gây mê. Can $\geq 4,5$ kg	can 4,5kg	Can	16
XIV		Khí y tế				
114		Khí oxy lỏng	Độ tinh khiết $\geq 99,6$. Nạp trực tiếp vào bồn chứa bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO	Lít	Lít	152.000
115		Bình khí Oxy 10 lít	Độ tinh khiết $\geq 99,6\%$, Chứa trong bình 10 lít, áp suất ≥ 130 atm, đổi vô .	Bình 10 lít	Bình	500
XV		Vật tư chuyên khoa răng hàm mặt, tai mũi họng				
116	N08.00.3 30	Mũi khoan răng	Chất liệu thép không gỉ, mạ kim cương phân đầu.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
117		Mũi khoan mở xương tay chậm	mũi trụ dài ,dùng cho tay chậm thẳng	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
118		Mũi khoan xương	Chất liệu thép không gỉ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	3
119		Chất hàn (Compositite màu) lỏng	Hàm lượng chất độn khoảng 83,5% trọng lượng .	Tuýp/ 2g lỏng	Tuýp	5
120		Chất hàn (Compositite màu) đặc	Tổng hạt độn khoảng 77% khối lượng (57% thể tích), hạt độn vô cơ.	Tuýp/ 4g đặc	Tuýp	5
121		Chất hàn tạm	Dùng để hàn tạm, dùng trong nha khoa	Lọ 30g	Lọ	5
122		Nong ống tủy	Vật liệu thép không gỉ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
123		Kim nha khoa	Kim sắc nhọn,vô trùng	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10.000
124		Bẫy lông máng	Chất liệu thép không gỉ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
125		Bộ kim nhổ răng trẻ em	Kim gồm 3 phần: Cán kim, cổ kim, mô kim. Dùng để nhổ răng trẻ em	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	10
126		Camphenol (CPC)	Lọ 15ml, dung dịch trị viêm tủy nặng	Theo quy cách nhà sản xuất	Lọ	5
127		Mặt Gương nha khoa	Mặt gương sáng	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	5
128		Cán gương	Chất liệu thép không gỉ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	0
129		Canxi hydroxid	Dùng để trám răng	Lọ 10 gam	Hộp	5
130		Chổi đánh bóng	Chổi đánh bóng nha khoa được dùng để làm sạch và đánh bóng răng	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	300

131		Cốc đánh bóng răng	Chất liệu nhựa PVC	Theo quy cách nhà sản xuất	cái	200
132		Gắp dị vật tai	Thép không gỉ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	3
133		Lên ống tủy	Dùng để lên ống tủy, Các số	Hộp	Hộp	5
134		Nong ống tủy	Dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
135		Nụ đánh bóng	Nụ đánh bóng	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
136		Ống hút răng	Làm ống nhựa dẻo, dùng để hút nước	Túi 100 cái	Túi	20
137		Thăm trám	Chất liệu thép không rỉ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	25
138		Thuốc diệt tủy(không asen)	Thành phần: Ephedrin; Lidocain; Camphor; Parachlorophenol	Lọ 5g	Lọ	5
139		Trâm gai	Các màu trắng, xanh.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
140		Vật liệu trám hàn răng	Hộp 2 lọ: 1lọ bột 30g + 1lọ dung dịch 25g	hộp 15 g	Hộp	15
141		Xi măng hàn răng	Dùng để trám răng, 1 lọ bột 45g, 1 lọ dung dịch 30g	Lọ 45g	Hộp	10
XVI		Y dụng cụ				
142		Xe đẩy bệnh nhân	Xe có gắn 2 vòng lăn hai bên Có hai tay đẩy phía sau Độ rộng ghế ngồi: khoảng 46cm Khung xe làm bằng sắt mạ crom hoặc sơn tĩnh điện. Tấm đặt chân bằng nhôm đúc hợp kim hoặc bằng nhựa Tải trọng tối đa: 120 kg	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	19
143		Máy đo huyết áp	gồm đồng hồ, bao quấn bắp tay. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	22
144		Bộ Ampu bóp bóng	Chất liệu nhựa PVC. Đảm bảo bền, độ đàn hồi cao Van đóng mở tốt Mask không có cạnh sắc Bơm hơi có van an toàn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	40
145	N08.00.1 40	Bộ đặt nội khí quản	Bộ 3 lưỡii . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	11
146		Bộ đặt nội khí quản	Bộ 4 lưỡii. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	10
147		Cân đo sức khỏe có thước đo chiều cao	Cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao. 1. Trọng lượng cơ thể: 0.5kg -120kg 2. Đo chiều cao: 70-190cm 3. Kích thước: khoảng 950 x 300 x 290mm	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	6
148		Đồng hồ oxy(Lưu lượng kế kèm bình làm ẩm)	Bao gồm đồng hồ và bình làm ẩm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	39
149		Bàn chải đánh tay phẫu thuật	Công dụng: dùng để vệ sinh tay trước khi phẫu thuật. • Kích thước: 10cm x 4cm	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	300
150		Đèn cực tím di động	Đèn cực tím tập trung các tia sáng cực tím dùng diệt trùng trong y tế, thực phẩm, công nghiệp, đèn cực tím được thiết kế có kết cấu an toàn, chắc chắn, dây dẫn điện nguồn dài 1.8m, loại bóng UV 36W, công suất: 30W, 36W, 60W, 72W, loại có kích thước: 120cm, máng đèn chất liệu inox.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	4
151		Đèn đọc 1 phim Xq	Sử dụng độ sáng ở bề mặt trước, tự động bật sáng khi cài phim hoặc công tắc tiện dụng tay, ánh sáng đồng đều, trên giá đỡ, giá để bàn hoặc treo tường, nguồn điện: 220VAC, khung đèn inox, bóng đèn led, tăng phô, dimmer điều chỉnh độ sáng, dây điện 2m, kích thước 45cmx36cm.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	1

152		Đèn hồng ngoại	Chiều cao đèn khoảng 40cm, đế rộng khoảng 16cm. Cơ định vị xoay linh động đến gần 360°, khoảng rộng 30cm+30cm, đầu đèn sử dụng nhiều loại bóng đèn, vỏ đèn làm bằng inox, chứa đèn chất liệu nhôm, bóng đèn hồng ngoại, hình bầu dục, có dimmer tăng giảm ánh sáng.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	11
153		Đèn tiểu phẫu (đèn gù)	Đèn tiểu phẫu ánh sáng hội tụ, ánh sáng lạnh, chiều cao đèn từ khoảng 1m – 1.7m, đế rộng 16cm, dây dẫn điện ≥3m, nguồn điện: 220V; bóng đèn Halogen 12V-20W, cơ định vị xoay linh động đến gần 360°, khoảng rộng 30cm+30cm.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	12
154		Nhiệt kế	Bầu thủy ngân, đo nhiệt độ tối đa 42°. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
155		Bộ nong tử cung các số	Một bộ gồm nhiều số	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	10
156		Cán dao mổ	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	30
157		Thìa nạo tử cung các cỡ	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
158		Kéo thẳng	Thép không gỉ, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
159		Kéo cong	Thép không gỉ, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	70
160		Hộp đựng bông (Hộp gòn nhỏ)	Hộp đựng bông cotton đường kính tối thiểu 8cm	Theo quy cách nhà sản xuất	hộp	42
161		Hộp đựng dụng cụ thay băng	Hộp inox đựng dụng cụ kích thước tối thiểu: 19*8*4cm	Theo quy cách nhà sản xuất	hộp	50
162		Hộp hấp bông xăng	Inox 304 đường kính ≥40cm	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	13
163		Kẹp mang kim (kìm mang kim)	Thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	40
164		Kẹp răng chuột	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	28
165		Khay quả đậu 10*20cm	Chất liệu thép không gỉ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	25
166		Khay inox 30*20 cm	30*20cm*5cm	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	42
167		Khay tiêm loại 30*40cm	≥30*40 cm	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10
168		Kìm bề bột	Chất liệu thép không gỉ, dài 26 cm	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	2
169		Cốc đựng betadin	Cốc đựng betadin	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	25
170		Nĩa có máu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
171		Nĩa không máu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60

172		Panh cong không mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	61
173		Panh thẳng có mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	76
174		Panh thẳng không mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	80
175		Bộ chích chấp lợ	3 chi tiết gồm: 1 kẹp chấp trung, 1 kẹp chấp nhỏ, 1 curet	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	5
XVII		Bộ dây thở silicon				
186		Bộ dây thở silicon	Chất liệu: Silicon sử dụng nhiều lần. Loại 2 bẫy nước. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy thở	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	25
		Tổng khoản 186 khoản				

Chú ý: Được chào giá 1 hoặc nhiều mục hàng trong danh mục mời chào giá theo khả năng cung cấp của công ty

HÀ
NÀ